

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 3700530696 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty có đầu tư vào 12 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lã Giang Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Minh Thanh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Phú Quốc	Phó Tổng Giám đốc

3. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

4. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho thời kỳ tài chính Quý II năm 2011 kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2011

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	T/M	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,293,746,217,755	1,957,691,709,903
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	(5.1)	11,817,392,146	17,156,911,559
1 Tiền	111		9,817,392,146	13,956,911,559
2 Các khoản tương đương tiền	112		2,000,000,000	3,200,000,000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	(5.2)	55,767,350,000	15,085,100,000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		56,931,050,000	16,248,800,000
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn	129		(1,163,700,000)	(1,163,700,000)
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	(5.3)	551,466,481,095	506,969,413,602
1 Phải thu của khách hàng	131		446,520,551,884	446,955,148,229
2 Trả trước cho người bán	132		90,837,190,908	47,420,142,844
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5 Các khoản phải thu khác	135		17,956,828,430	16,458,366,156
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3,848,090,127)	(3,864,243,627)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	(5.4)	1,581,974,893,973	1,351,591,162,186
1 Hàng tồn kho	141		1,588,736,559,952	1,358,352,828,165
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	149		(6,761,665,979)	(6,761,665,979)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		92,720,100,541	66,889,122,556
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,191,683,072	2,001,358,704
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		18,360,484,775	1,613,965,495
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		295,852,136	323,579,564
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	71,872,080,557	62,950,218,793

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	T/M	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		704,193,526,018	692,914,795,052
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4 Phải thu dài hạn khác	218			
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		549,597,215,106	540,268,268,811
1 TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	419,285,861,328	399,133,452,153
- Nguyên giá	222		507,912,173,148	473,849,045,823
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88,626,311,820)	(74,715,593,670)
2 TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3 TSCĐ vô hình	227	(5.7)	45,899,144,373	52,961,052,936
- Nguyên giá	228		51,626,240,215	58,286,067,715
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,727,095,843)	(5,325,014,779)
4 Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.8)	84,412,209,406	88,173,763,722
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<i>VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	(5.9)	143,320,549,103	142,697,006,478
1 Đầu tư vào công ty con	251			
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,765,602,835	1,542,060,210
3 Đầu tư dài hạn khác	258		143,083,720,000	142,683,720,000
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1,528,773,732)	(1,528,773,732)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		11,275,761,809	9,949,519,763
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		10,291,307,264	8,642,066,252
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3 Tài sản dài hạn khác	268		984,454,545	1,307,453,511
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,997,939,743,773	2,650,606,504,955

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	T/M	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		2,180,297,334,714	1,841,098,552,449
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		2,053,093,373,345	1,721,309,577,249
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	1,733,049,640,470	1,494,849,252,043
2 Phải trả người bán	312	(5.11)	245,142,919,976	129,645,941,698
3 Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	32,432,693,242	51,174,612,557
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	3,232,086,848	5,262,084,879
5 Phải trả người lao động	315		22,190,895,545	25,260,263,637
6 Chi phí phải trả	316		6,587,454,074	7,445,538,278
7 Phải trả nội bộ	317			
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		365,274,847	
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.13)	10,055,086,071	7,465,531,884
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		37,322,272	206,352,272
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		127,203,961,369	119,788,975,200
1 Phải trả dài hạn người bán	331			
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3 Phải trả dài hạn khác	333		48,000,000	48,000,000
4 Vay và nợ dài hạn	334	(5.14)	126,681,279,537	119,141,719,537
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		451,500,017	518,801,118
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		28,636,360	80,454,545
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		704,789,180,873	691,003,562,436
<i>I. Nợ Vốn chủ sở hữu</i>	410	(5.15)	704,789,180,873	691,003,562,436
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		312,498,390,000	312,498,390,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		338,265,055,015	338,265,055,014
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,212,548,834	3,212,548,834
4 Cổ phiếu quỹ	414		(420,631,294)	(420,631,294)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6,292,508,698	6,152,120,739
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		3,834,300,888	3,767,885,040
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		12,804,443	8,963,110
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41,094,204,288	27,519,230,994
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<i>III. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430			
1 Nguồn kinh phí	432			
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	(5.16)	112,853,228,187	118,504,390,070
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,997,939,743,773	2,650,606,504,955

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		33,150,035,933	34,375,321,092
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2,619,584,016	2,619,584,016
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		170,331.12	250,872.00
+ EUR		1,605.88	2,452.00
+ JPY		277,000.00	277,000.00
+ CNY		16,808.00	17,175.00
+ GBP		45.00	45.00
+ THB		3,960.00	3,960.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU**ĐỖ NGỌC NAM****KẾ TOÁN TRƯỞNG****NGUYỄN VĂN HẬU****KIỂM TỐN GIÁM ĐỐC****VÕ TRƯỜNG THÀNH**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ tài chính Quý II năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (13 Công ty)	Năm trước (5 Công ty)	Năm nay (13 Công ty)	Năm trước (5 Công ty)
1. Tổng doanh thu	01		650,603,270,209	529,133,275,396	1,219,695,412,878	874,883,181,717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8,573,048,473	603,720,504	8,755,337,423	9,808,545,744
3. Doanh thu thuần	10	6.1	642,030,221,736	528,529,554,892	1,210,940,075,455	865,074,635,973
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	515,818,189,983	424,814,121,384	1,004,504,771,984	699,917,314,462
5. Lợi nhuận gộp	20		126,212,031,754	103,715,433,508	206,435,303,471	165,157,321,511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7,885,868,589	3,238,622,150	15,623,717,913	4,459,165,480
7. Chi phí tài chính	22	6.4	92,339,782,911	46,430,438,711	142,988,061,881	75,234,197,724
- Trong đó: lãi vay	23		65,390,579,647	44,770,347,196	109,711,213,996	71,511,105,653
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	6,912,447,546	5,523,534,181	14,543,036,494	11,892,827,375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	25,564,656,939	18,980,449,061	47,702,650,219	40,302,179,527
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		9,281,012,946	36,019,633,705	16,825,272,790	42,187,282,365
11. Thu nhập khác	31		1,533,453,598	1,316,408,182	36,349,093,587	2,450,197,324
12. Chi phí khác	32		573,782,602	116,986,144	31,722,343,715	562,444,471
13. Lợi nhuận khác	40		959,670,997	1,199,422,038	4,626,749,873	1,887,752,853
14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		(234,397,165)	-	(625,203,666)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,006,286,778	37,219,055,743	20,826,818,996	44,075,035,218
16. Chi phí thuế TNDN			1,740,666,276	1,057,085,174	2,091,819,161	1,598,934,103
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,740,666,276	1,057,085,174	2,091,819,161	1,598,934,103
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,265,620,502	36,161,970,569	18,734,999,835	42,476,101,115
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		937,128,711	3,036,105,455	3,521,211,700	3,842,667,692
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7,328,491,791	33,125,865,114	15,213,788,135	38,633,433,423
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	235	1,527	487	1,781

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 08 năm 2011

KT Tổng Giám đốc



ĐỖ NGỌC NAM



NGUYỄN VĂN HẬU



VÕ TRƯỜNG THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ tài chính Quý II năm 2011

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối quý này	
		Năm nay (Hợp nhất 13 Công ty)	Năm trước (Hợp nhất 5 Công ty)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu trực tiếp bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,696,697,031,214	1,350,348,041,078
2. Tiền chi trả cho người bán	02	(1,462,108,558,844)	(1,056,703,382,594)
3. Tiền trả cho công nhân viên	03	(101,180,072,610)	(73,769,272,692)
4. Tiền trả lãi vay	04	(79,398,782,794)	(47,106,775,215)
5. Tiền chi nộp thuế và các khoản cho nhà nước	05	(7,863,914,915)	(2,362,832,052)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	811,137,441,173	307,547,359,881
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(938,963,526,767)	(356,000,395,509)
8. Tiền thu hoàn VAT	08	5,388,733,265	11,927,223,378
9. Tiền chi ký quỹ mở L/C	09	(3,042,462,311)	(10,229,175,277)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(79,334,112,590)	123,650,790,998
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25,747,007,914)	(1,008,363,029)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14,340,000,000)	(612,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,419,123,094	506,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17,157,996,098)	(22,151,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15,200,570,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,771,807,931	1,514,785,807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37,853,502,987)	(21,750,577,222)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	22,329,907,198	5,900,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(21,175,198,000)	(1,370,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1,411,840,092,976	770,339,933,682
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,290,260,477,697)	(841,866,691,721)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(82,889,722)	(20,468,849,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	122,651,434,755	(86,096,977,039)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5,463,819,178	15,803,236,737
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	17,156,911,559	5,809,496,240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10,803,338,591	(109,603,388)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	11,817,392,146	21,503,129,589

Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

K.T. Tổng Giám đốc

ĐỖ NGỌC NAM

NGUYỄN VĂN HẠ

VÕ TRƯỜNG THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 số 370053069 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty có đầu tư vào 12 công ty con, được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

STT	Tên công ty con	Địa chỉ	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1)	Km 86 - Quốc lộ 14, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
2.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	Thôn 05, Xã Ea Ral, Huyện Ea H'leo, Tỉnh Daklak	70,00%	70,00%
3.	Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	60,00%	64,16%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	C8 Khu Công Nghiệp Hòa Hiệp, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên	60,00%	60,00%
5.	Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Đaklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đaklak	99,34%	100,00%
6.	Công ty Cổ Phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)	81 Nguyễn Tất Thành, Phường 02, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	85,72%	100,00%
7.	Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)	Đào Trinh Nhất, Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	45,60%	89,06%
8.	Công ty Cổ Phần Trồng Rừng Trường Thành (Đaklak)	35 Đường Quang Trung, Phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đaklak	51,00%	46,07%
9.	Công ty Cổ Phần Lâm Nghiệp Trường Thành ĐakNông	204 Trần Hưng Đạo, Phường Nghĩa Thành, Thị Xã Gia Nghĩa, Tỉnh ĐakNông	96%	100%
10.	Công ty Cổ Phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	Khu phố 04, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	51,00%	99,87%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An	Số 107 Đường Lê Duẩn, Khối 04, Thị trấn Phước An, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	50,00%
2.	Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Xã Hoà Tiến, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk	50,00%	82,31%

1.4. Danh sách Công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	19 Đường số 11 (Đào Trinh Nhất), Khu phố 01, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	23,08%	53,70%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành, báo cáo tài chính các công ty con đã được đề cập tại mục 1.3 của Thuyết minh này và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Các số dư và các giao dịch nội bộ đã được loại trừ. Tập đoàn có chính sách bán hàng không tạo ra lợi nhuận đối với các công ty trong Tập đoàn.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất tối đa không quá 10 năm.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá thành được quyết toán theo từng đơn hàng. Đối với những đơn hàng còn dở dang, giá vốn được ước tính theo giá thành kế hoạch.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào ... và lò sấy tại Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
+ Thiết bị truyền dẫn	12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10 năm
+ Phần mềm tin học	05 – 30 năm

Quyền sử dụng đất

Đối với Quyền sử dụng đất không thời hạn: Tập đoàn không tính khấu hao.

Đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn: Tập đoàn tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 50 năm (từ năm 2000), Công ty được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2010. Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu. Việc ưu đãi này sẽ được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

Công ty Cổ Phần Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm, trong đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được điều chỉnh hồi tố cho việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và 12 Công ty con như đã nêu tại mục 1.3 của thuyết minh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.252.320.323	1.012.157.944
Tiền gửi ngân hàng – VND	5.698.580.491	8.452.366.055
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ	2.513.882.575	4.381.779.318
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán – VND	111.724.971	110.608.242
Tiền đang chuyển		-
Các khoản tương đương tiền	2.240.883.786	3.200.000.000
Tổng cộng	11.817.392.146	17.156.911.559

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	6.620.000.000	4.570.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.998.800.000	1.998.800.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	48.312.250.000	9.680.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	9.680.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	56.931.050.000	16.248.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.163.700.000)	(1.163.700.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	55.767.350.000	15.085.100.000

(*) Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn là 48.312.250.000 đồng cùng với khoản lãi phát sinh trong thời gian gửi tiền hiện đang được cầm cố, thế chấp tại ngân hàng cho các khoản vay ngắn hạn.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	446.520.551.884	446.955.148.229
Trả trước cho người bán	90.837.190.908	47.420.142.844
Các khoản phải thu khác	17.956.828.430	16.458.366.156
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	555.314.571.222	510.833.657.229
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.848.090.127)	(3.864.243.627)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	551.466.481.095	506.969.413.602

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	456.237.955	1.627.731.693
Nguyên liệu, vật liệu	1.050.946.816.667	897.501.404.701
Vật liệu phụ	35.190.700.447	26.729.306.742
Đồ dùng thay thế	148.132.234	1.181.014.436
Chi phí thu mua nguyên liệu	2.399.590.936	6.651.843.477
Công cụ, dụng cụ	1.445.326.746	3.123.359.137
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	396.435.989.350	303.018.814.666
Thành phẩm	44.141.116.843	49.466.915.291
Hàng hóa	37.699.413.636	44.354.914.392
Hàng gửi đi bán	19.862.827.124	24.697.523.630
Nhiên liệu	10.408.014	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.588.736.559.952	1.358.352.828.165
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.761.665.979)	(6.761.665.979)
Giá trị thuần có thể thực hiện	1.581.974.893.973	1.351.591.162.186

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, phần lớn giá trị hàng tồn kho hiện đang cầm cố thế chấp tại các Ngân hàng.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	69.082.928	57.122.447
Tạm ứng cho nhân viên (*)	26.883.368.820	24.073.231.036
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.919.628.809	38.819.865.310
Tổng cộng	71.872.080.557	62.950.218.793

(*) Khoản tạm ứng bao gồm khoản tiền ứng trước về việc thưởng cổ phiếu cho người lao động với số tiền là 14.009.605.522 đồng. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì không thể thu hồi được các khoản tạm ứng này thì Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất này theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 04 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	222.372.462.663	222.821.454.160	23.248.514.900	4.017.407.975	1.389.206.125	473.849.045.823
Mua trong kỳ	820.554.519	58.536.373.123	281.857.165	57.026.629	543.314.728	60.239.126.164
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	25.734.868.430	75.454.545	-	-	25.810.322.975
Giảm khác	-	128.850.864	236.825.000	-	-	365.675.864
Số dư cuối kỳ	223.193.017.182	255.494.107.989	23.218.092.520	4.074.434.604	1.932.520.853	507.912.173.148
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	37.171.572.016	29.507.500.849	5.715.475.631	2.158.984.917	162.060.257	74.715.593.670
Khấu hao trong kỳ	6.032.156.359	7.661.634.119	1.172.210.297	167.920.017	226.199.017	15.260.120.520
Thanh lý, nhượng bán	-	1.300.993.540	-	-	-	1.300.993.540
Giảm khác	-	12.885.074	35.523.756	-	-	48.408.830
Số dư cuối kỳ	43.203.728.375	35.855.265.354	6.852.162.172	2.326.905.645	388.259.274	88.626.311.820
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	185.200.890.647	193.313.953.311	17.533.039.269	1.858.423.058	1.227.145.868	399.133.452.153
Tại ngày cuối kỳ	179.989.288.807	219.638.851.635	16.365.930.348	1.747.528.959	1.544.261.579	419.285.861.328

Hầu hết tài sản cố định hữu hình hiện đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	52.045.222.209	6.240.845.506	58.286.067.715
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	6.659.827.500	-	6.659.827.500
Số dư cuối kỳ	45.385.394.709	6.240.845.506	51.626.240.215
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.473.549.670	851.465.109	5.325.014.779
Khấu hao trong kỳ	722.263.522	155.519.551	877.783.073
Thanh lý, nhượng bán	475.702.009	-	475.702.009
Số dư cuối kỳ	4.720.111.183	1.006.984.660	5.727.095.843
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	47.571.672.539	5.389.380.397	52.961.052.936
Tại ngày cuối kỳ	40.665.283.526	5.233.860.846	45.899.144.372

Hầu hết tài sản cố định vô hình hiện đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 10.320 m2 đất tại Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	32.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hình, Tỉnh Phú Yên	1.203.500.000	1.203.500.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, Tỉnh Phú Yên	828.300.000	828.300.000
Thanh toán tiền lần 1 tiền thuê đất tại cum CN Uyên Hưng	1.934.400.304	-
Nhà máy veneer và nhà chứa bụi	-	9.043.473.891
Mua sắm máy móc thiết bị	18.245.462.121	34.596.584.882
Xây dựng cơ bản dở dang khác	29.700.546.981	10.001.904.949
Tổng cộng	84.412.209.406	88.173.763.722

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.765.602.835	1.542.060.210
Đầu tư dài hạn khác	143.083.720.000	142.683.720.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn	144.849.322.835	144.225.780.210
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.528.773.732)	(1.528.773.732)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	143.320.549.103	142.697.006.478

Danh sách các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Số lượng cổ phần	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 30/06/2011	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 30/06/2011
Công ty Cổ Phần Bao Bì Trường Thành	200.000	2.000.000.000	1.765.602.835
Cộng	200.000	2.000.000.000	1.765.602.835

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit	228.960	2.212.000.000	228.960	2.212.000.000
Công ty Cổ Phần Phú Hữu Gia	5.268.000	52.680.000.000	5.228.000	52.280.000.000
Công ty Cổ Phần Chế Biến Thực Phẩm Sông Hậu	444.608	12.226.720.000	444.608	12.226.720.000
Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	300	30.000.000.000	300	30.000.000.000
Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành	550.000	5.550.000.000	550.000	5.550.000.000
Cho Công ty Cổ Phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành vay		19.000.000.000		19.000.000.000
Cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Tân Phát vay		19.180.000.000		19.180.000.000
Cho Công ty Lâm Nghiệp Phước An vay		2.200.000.000		2.200.000.000
Trái phiếu chính phủ		35.000.000		35.000.000
Cộng		143.083.720.000		142.683.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng – VND	814.196.396.524	1.055.233.661.682
Vay ngân hàng – USD	913.903.243.946	409.873.590.361
Vay chiết khấu – USD	-	-
Vay đối tượng khác	-	1.900.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.950.000.000	27.842.000.000
Tổng cộng	1.733.049.640.470	1.494.849.252.043

Các khoản vay ngân hàng bằng VND và USD có lãi suất tùy thuộc vào từng hợp đồng và khế ước nhận nợ. Các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 6,9%/năm đến 19,2%/năm. Các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 1,58%/năm đến 8%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và hàng tồn kho.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	245.142.919.976	129.645.941.698
Người mua trả tiền trước	32.432.693.242	51.174.612.557
Tổng cộng	277.575.613.218	180.820.554.255

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	637.747.604	2.125.582.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.398.561.738	2.963.848.503
Thuế thu nhập cá nhân	191.030.848	158.674.939
Thuế xuất nhập khẩu	(27.524.821)	-
Các loại thuế khác	32.271.480	13.979.030
Tổng cộng	3.232.086.849	5.262.084.879

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	612.026.895	558.042.875
Kinh phí công đoàn	197.266.126	156.421.323
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.284.016.552	829.262.885
Phải trả lương nhân viên nghỉ việc	-	264.357.900
Khấu trừ lương lập quỹ	359.585.750	-
Nguồn quỹ giữ hộ Trung tâm đào tạo Trường Thành	-	56.372.641
Cổ tức phải trả	660.114.000	850.414.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.942.076.748	3.407.943.724
Phải trả các bên liên quan	-	1.342.716.536
Tổng cộng	10.055.086.071	7.465.531.884

5.14. Vay và nợ dài hạn

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng với thời gian vay từ 5 năm đến 7 năm, lãi suất từ 14% đến 21%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và nguyên liệu gỗ của các Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	312.498	338.265	3.213	(421)	-	6.152	3.768	9	27.519	691.003
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	15.213	15.213
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ thặng dư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	140	66	3,8	-	209,8
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.382)	(1.382)
Chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	(138)	(138)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(118)	(118)
Số dư cuối kỳ	312.498	338.265	3.213	(421)	-	6.292	3.834	12,8	41.094	704.789

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.2. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Lợi nhuận hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	7.328.491.791	33.125.865.114
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong kỳ	31.241.258	21.694.427
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	235	1.527

5.15.3. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.519.230.994
Lợi nhuận sau thuế trong năm	15.213.788.136
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.382.383.535)
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát	(138.000.000)
Khác	(118.431.307)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	41.094.204.288

5.16 Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần giá trị ròng từ hoạt động kinh doanh và giá trị thuần của tài sản của 12 công ty con tính trên tỷ lệ cổ phần không do Công ty nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Doanh thu bán hàng	647.475.390.227	526.271.695.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.680.119.772	2.861.580.247
Doanh thu vật liệu xây dựng	1.020.538.663	-
Doanh thu khác	119.710.140	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.265.537.066)	(603.720.504)
Doanh thu thuần	642.030.221.736	528.529.554.892

6.2. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Giá vốn hàng bán	513.955.933.029	424.148.269.282
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	939.882.402	665.852.102
Giá vốn vật liệu xây dựng	903.021.075	-
Khác	19.293.476	-
Tổng cộng	515.818.189.982	424.814.121.384

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Thu cổ tức	114.480.000	2.407.513.713
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	2.594.536.405	86.559.967
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.176.852.184	744.548.470
Tổng cộng	7.885.868.589	3.238.622.150

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Chi phí lãi vay	65.390.579.647	44.770.347.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.551.540.087	843.760.805
Phí ngân hàng	397.641.177	816.330.710
Khác	22.000	-
Tổng cộng	92.339.782.911	46.430.438.711

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Chi phí nhân viên	259.835.246	494.003.775
Chi phí siêu thị	426.247.072	307.571.418
Chi phí xuất hàng, vận chuyển, bốc xếp	5.046.626.205	2.884.100.539
Chi phí khấu hao	186.623.181	38.006.079
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	251.679.050	162.725.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.199.667	-
Chi phí bằng tiền khác	712.237.125	1.637.126.926
Tổng cộng	6.912.447.546	5.523.534.181

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II năm 2011 (Hợp nhất 13 Công ty)	Quý II năm 2010 (Hợp nhất 05 Công ty)
Chi phí nhân viên quản lý	17.891.858.533	14.202.891.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.099.418.795	470.260.280
Chi phí khấu hao	1.495.198.044	1.440.916.091
Thuế, phí và lệ phí	462.644.910	455.907.944
Chi phúc lợi nhân viên	14.450.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.369.477.616	2.041.415.737
Chi phí bằng tiền khác	1.231.609.041	369.057.310
Tổng cộng	25.564.656.939	18.980.449.062

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 08 năm 2011.

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2011

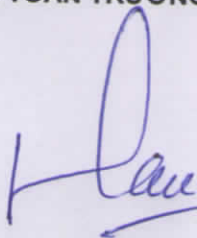
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ NGỌC NAM



NGUYỄN VĂN HẬU



VÕ TRƯỜNG THÀNH

06-C.T.C.P.*